

MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI HỌC
LÀ ĐIỀU DƯỠNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO
CỦA BỆNH VIỆN PHỤ SẢN HÀ NỘI

Phạm Thị Thu¹, Đặng Thanh Hòa²

¹Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, ²Bệnh viện Phụ sản Hà Nội

TÓM TẮT

Mục tiêu: Tìm hiểu một số yếu tố ảnh hưởng đến hài lòng của người học là điều dưỡng đối với hoạt động đào tạo của Bệnh viện Phụ sản Hà Nội năm 2022. **Đối tượng và phương pháp:** Thiết kế nghiên cứu ngang thực hiện trong năm 2022 trên 199 người học là điều dưỡng (gồm cả sinh viên chính quy và các học viên đào tạo liên tục) đang học tập tại Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội. Bộ câu hỏi đánh giá sự hài lòng của học viên được phát triển bởi tác giả dựa trên bộ câu hỏi quy trình ISO:9001 của Bệnh viện Phụ sản Hà Nội và bộ câu hỏi SEEQ. Sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp để thu thập số liệu nghiên cứu. **Kết quả:** 04 yếu tố được xác định có liên quan đến sự hài lòng của người học gồm: Giảng viên; Chương trình đào tạo; Môi trường làm việc; Đánh giá quá trình học. Phương trình hồi quy dự đoán sự biến thiên hài lòng chung với khóa học dựa trên 04 biến số độc lập trên có dạng: $Y = 1.077 + 0.341 * X_1 + 0.137 * X_2 + 0.134 * X_3 + 0.112 * X_4$. Tuy nhiên các biến độc lập này mới chỉ giải thích được 57.5% sự biến thiên của sự hài lòng chung với khóa học. **Kết luận:** Có thể sử dụng kết quả từ nghiên cứu này để thiết kế các chương trình can thiệp để cải thiện sự hài lòng của người học. Ngoài ra cần phải tiếp tục nghiên cứu các yếu tố khác có tác động đến sự hài lòng của người học.

Từ khóa: Hài lòng, điều dưỡng, đào tạo, bệnh viện, yếu tố ảnh hưởng

FACTORS AFFECTING THE SATISFACTION OF
NURSING LEARNERS WITH TRAINING ACTIVITIES OF
HANOI OBSTETRICS AND GYNECOLOGY HOSPITAL

Phạm Thị Thu¹, Đặng Thanh Hòa²

¹Nam Dinh University of Nursing, ²Hanoi Obstetrics and Gynecology Hospital

ABSTRACT

Objectives: Understanding some factors affecting the satisfaction of nursing learners for training activities of Hanoi Obstetrics and Gynecology Hospital in 2022. **Subjects and methods:** The cross-sectional study design will be carried out in 2022 on 199 nursing learners (including full-time students and continuing training students) studying at Hanoi

Tác giả: Phạm Thị Thu
Địa chỉ: Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định
Email: phamthithudd@gmail.com

Ngày nhận bài: 08/3/2023
Ngày hoàn thiện: 07/5/2023
Ngày đăng bài: 08/5/2023

*Obstetrics and Gynecology Hospital. The questionnaire to assess student satisfaction was developed by the author based on the ISO:9001 process questionnaire of the Hanoi Obstetrics and Gynecology Hospital and the SEEQ questionnaire. Using direct interview method to collect research data. **Results:** 04 factors were identified related to student satisfaction, including: Lecturers; Education program; Work environment; Evaluate the learning process. The regression equation predicting the variation of overall satisfaction with the course based on the above 04 independent variables has the form: $Y = 1.077 + 0.341*X1 + 0.137*X2 + 0.134*X3 + 0.112*X4$. However, these independent variables only explain 57.5% of the variation in overall satisfaction with the course. **Conclusion:** This research can be used to design intervention programs to improve nursing learners' satisfaction. In addition, it is necessary to continue studying other factors that affect the satisfaction of nursing learners.*

Keywords: Satisfaction, nursing, training, hospital, Factors affecting

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhận thức về chất lượng và đánh giá hài lòng mà người học có thể có về khóa học, cơ sở giáo dục và tổ chức của họ đã được công nhận là cấu trúc chính trong việc giải thích hành vi của “người tiêu dùng” đối với sản phẩm, trong trường hợp này là sản phẩm giáo dục [1]. Trên thực tế, một số nghiên cứu chỉ ra rằng sự hài lòng do quá trình giáo dục tạo ra là một yếu tố cố hữu của chất lượng [2] và như vậy, việc phân tích quan điểm của người học về đào tạo lâm sàng của họ có thể cung cấp thông tin rất có giá trị để tái cấu trúc và cải thiện hoạt động giảng dạy và trình độ đào tạo điều dưỡng [3]. Do đó, việc bao gồm sự tham gia và nhận thức của sinh viên trong việc đánh giá chất lượng của các chương trình giáo dục là rất cần thiết, vì việc cải thiện trải nghiệm của sinh viên trong môi trường học tập lâm sàng có thể cải thiện kết quả học tập và sự hài lòng của sinh viên [4]. Thực hành lâm sàng trong là một phần quan trọng của giáo dục điều dưỡng [5]. Tâm quan trọng của giáo dục điều dưỡng lâm sàng là không thể phủ nhận trong việc phát triển kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và lâm sàng [6]. Thông qua thực hành lâm sàng, sinh viên điều dưỡng và các điều dưỡng viên sẽ có thể có được những

kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng [7]. Hiểu được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo lâm sàng sẽ hữu ích trong việc giải quyết các vấn đề liên quan [8].

Sự hài lòng của người học điều dưỡng trong quá trình thực hành lâm sàng và sự tham gia của họ vào quá trình có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau, từ các yếu tố xã hội và tâm lý đến các yếu tố môi trường và học thuật [9]. Một số yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người học đối với quá trình thực hành lâm sàng đã được xác định như: giảng viên hướng dẫn lâm sàng, môi trường học tập, các hoạt động do sinh viên thực hiện và tổ chức thực hành [10], [11]. David Fernández-García cùng cộng sự lại đề xuất giả thuyết rằng sự ưa thích trong việc lựa chọn trung tâm thực hành, khoảng cách đến trung tâm thực hành, số lượng sinh viên được giao cho giảng viên lâm sàng, loại hình dịch vụ, loại hình trung tâm và hình thức quản lý có ảnh hưởng đến sự hài lòng của người học điều dưỡng đối với thực hành lâm sàng [12]. Trong khi đó, Ruiz-Grao M.C cùng cộng sự lại cho rằng sự hài lòng của người học với thực hành lâm sàng bao gồm một số khía cạnh có thể được nhóm thành

các yếu tố như: cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, phương pháp giảng dạy, môi trường, tuyển sinh và dịch vụ hỗ trợ [13].

Cho đến nay đã có nhiều nghiên cứu tìm hiểu sự hài lòng của người học điều dưỡng đối với hoạt động đào tạo của các cơ sở giáo dục [13], [14], [15], [16]. Tuy nhiên dữ liệu về sự hài lòng của người học điều dưỡng đối với hoạt động đào tạo của các cơ sở y tế, đặc biệt là ở Việt Nam, còn hạn chế.

Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội là bệnh viện chuyên khoa hạng I của thành phố Hà Nội trong lĩnh vực Sản Phụ Khoa và Kế hoạch hóa gia đình. Ngoài nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, bệnh viện còn là cơ sở đào tạo thực hành lâm sàng. Mỗi năm, bệnh viện tiếp nhận hơn 200 sinh viên điều dưỡng và hàng trăm người học là điều dưỡng đến tham gia các khóa học đào tạo liên tục. Trong một nghiên cứu đã công bố gần đây, chúng tôi xác nhận rằng người học điều dưỡng khá hài lòng với hoạt động đào tạo lâm sàng của bệnh viện. Tuy nhiên điểm trung bình của sự hài lòng ở các câu phần đều chưa tiệm cận ở mức 5 (hoàn toàn hài lòng) mà đa số mới tiệm cận mức 4. Để cung cấp thông tin cho việc cải tiến chất lượng đào tạo để nâng cao sự hài lòng của người học, mục tiêu của nghiên cứu này làm rõ một số yếu tố có thể ảnh hưởng đến sự hài lòng của người học là điều dưỡng đối với hoạt động đào tạo của bệnh viện.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

2.1. Đối tượng và thời gian nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là người học điều dưỡng (bao gồm cả sinh viên điều dưỡng và các điều dưỡng tham gia học tập các lớp đào tạo liên tục tại bệnh viện) học tập tại Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội. Tất cả các người học điều dưỡng được gửi thư mời tham gia nghiên cứu và được tiếp cận với các thông tin cơ bản như thiết kế, mục đích và ý nghĩa

của nghiên cứu cũng như quyền lợi của họ khi tham gia. Sự ẩn danh của những người tham gia được duy trì trong suốt nghiên cứu. Họ được gửi văn bản chấp thuận đồng ý trước khi đăng ký vào nghiên cứu. Tổng số đã có 199 người học đáp ứng tiêu chuẩn nghiên cứu hoàn thiện phiếu khảo sát. Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang này được tiến hành từ tháng 12/2021- 6/2022, trong đó thời gian thu thập số liệu từ 02/2022 - 5/2022.

2.2. Công cụ nghiên cứu

Bộ câu hỏi đánh giá sự hài lòng của học viên được phát triển bởi tác giả dựa trên bộ câu hỏi quy trình ISO:9001 của Bệnh viện Phụ sản Hà Nội và bộ câu hỏi đánh giá chất lượng giáo dục của sinh viên (Students' Evaluations of Educational Quality Instrument-SEEQ) [17]. Thang đo gồm 22 câu hỏi chia thành 05 tiểu mục. Mỗi một câu hỏi sẽ có 5 mức độ đánh giá, từ hoàn toàn không hài lòng (1 điểm) đến hoàn toàn hài lòng (5 điểm). Công cụ sử dụng cho nghiên cứu có bản gốc bằng tiếng Anh được dịch sang tiếng Việt theo hướng dẫn của WHO. Điều tra thử trên 30 điều dưỡng học điều dưỡng theo các tiêu chuẩn lựa chọn ở trên để kiểm tra độ tin cậy. Kết quả kiểm tra cho thấy hệ số Cronbach Alpha đạt 0,87 cho thấy thang đo có độ tin cậy cao.

2.3. Phương pháp thu thập thông tin

Người học thỏa mãn tiêu chuẩn lựa chọn sẽ được nghiên cứu viên giải thích về mục đích nghiên cứu và mời tham gia nghiên cứu. Người học đồng ý tham gia nghiên cứu sẽ được phỏng vấn trực tiếp để thu thập thông tin nghiên cứu. Người phỏng vấn là nghiên cứu viên.

2.5. Phân tích số liệu

Các phân tích được thực hiện bằng SPSS 20.0. Sử dụng tần số và tỷ lệ phần trăm để

mô tả đặc điểm chung của người học. Kết quả kiểm tra cho thấy các biến số đều có phân phối tiệm cận phân phối chuẩn, do vậy sử dụng phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính bội để tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng. Biến phụ thuộc y (mức độ hài lòng chung với khoa học) là giá trị trung bình của các biến số trong thang đo sự hài lòng chung (meanHL). Các biến độc lập của mô hình gồm 4 biến: x_1 hài lòng về chương trình đào tạo là giá trị trung bình của các biến số về hài lòng về chương trình đào tạo (meanCT); x_2 hài lòng về giảng viên là giá trị trung bình của các biến số mô tả sự hài lòng về giảng viên (meanGV); x_3 hài lòng về phương pháp đánh giá là giá trị trung bình của các biến số mô tả sự hài lòng về cách đánh giá khóa học (meanDG); x_4 hài

lòng về môi trường học tập là giá trị trung bình của các biến mô tả sự hài lòng về môi trường học tập (meanMT). Phương trình hồi quy thể hiện mối liên quan có dạng:

$$y = a + b_1x_1 + b_2x_2 + b_3x_3 + b_4x_4$$

2.6. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được sự chấp thuận của Bệnh viện Phụ sản Hà Nội. Sự chấp thuận về đạo đức cho nghiên cứu này đã được cung cấp bởi Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định theo Giấy chứng nhận số 472/GCN-HĐĐĐ, ngày 03/3/2022”. Quá trình triển khai đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc đạo đức được nêu trong Tuyên bố Helsinki năm 1975, được sửa đổi vào năm 2000.

3. KẾT QUẢ

Bảng 1. Mối tương quan giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập

		meanGV	meanDG	meanMT	meanCT	meanHL
meanGV	Pearson Correlation	1	0,398**	0,437**	0,300**	0,544**
	Sig, (2-tailed)		0,000	0,000	0,000	0,000
	N	199	199	199	199	199
meanDG	Pearson Correlation	0,398**	1	0,265**	0,197**	0,365**
	Sig, (2-tailed)	0,000		0,000	0,005	0,000
	N	199	199	199	199	199
meanMT	Pearson Correlation	0,437**	0,265**	1	0,430**	0,429**
	Sig, (2-tailed)	0,000	0,000		0,000	0,000
	N	199	199	199	199	199
meanCT	Pearson Correlation	0,300**	0,197**	0,430**	1	0,386**
	Sig, (2-tailed)	0,000	0,005	0,000		0,000
	N	199	199	199	199	199
meanHL	Pearson Correlation	0,544**	0,365**	0,429**	0,386**	1
	Sig, (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,000	
	N	199	199	199	199	199

Kết quả cho thấy biến sự hài lòng chung tương quan thuận chiều với các biến độc lập. Ngoài ra các biến độc lập cũng có mối tương quan đến nhau. Sự tương quan này có thể xuất hiện hiện tượng đa cộng tuyến và sẽ được kiểm tra trong mô hình hồi quy tuyến tính đa biến.

Bảng 2. Mô hình hồi quy tuyến tính đa biến dự đoán sự biến thiên sự hài lòng chung về khóa học của người học

Model	Coefficients ^a						
	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
(Constant)	1,077	0,269		4,010	0,000		
meanGV	0,341	0,062	0,366	5,503	0,000	0,714	1,400
meanCT	0,137	0,047	0,182	2,891	0,004	0,797	1,255
meanDG	0,134	0,058	0,143	2,323	0,021	0,829	1,206
meanMT	0,112	0,049	0,153	2,287	0,023	0,706	1,417

a, Dependent Variable: meanHL

Kết quả phân tích mô hình hồi quy cho thấy cả 04 yếu tố được đưa vào mô hình đều được chấp nhận. Mô hình cũng cho thấy cả 04 biến độc lập đều có tương quan thuận chiều với biến phụ thuộc. Kết quả phân tích cho thấy tất cả các giá trị Tolerance của các biến độc lập đều $\geq 0,5$ và tất cả các giá trị VIF của các biến độc lập đều < 2 . Từ đây có thể kết luận không có hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình hồi quy. Tuy nhiên trước khi đi đến kết luận cuối cùng các giả định của mô hình cần được kiểm tra. Kết quả phân tích các giả định của mô hình được trình bày ở các bảng, biểu đồ sau đây.

Bảng 3. Kết quả dự đoán đúng của mô hình hồi quy

Model Summary ^b						
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson	
1	0,722 ^a	0,587	0,575	0,25806	1,630	

a, Predictors: (Constant), meanA, meanB, meanC, meanD, meanE

b, Dependent Variable: F

Kết quả từ bảng 3 cho thấy $R^2 = 0,587$, còn giá trị hiệu chỉnh của nó là 0,575. Theo các nhà thống kê nên sử dụng hệ số hiệu chỉnh sẽ an toàn hơn vì nó không thổi phồng mức độ phù hợp của mô hình. Với kết quả này có thể kết luận mô hình tuyến tính này phù hợp khoảng 57.5% tức là các biến độc lập giải thích được 57.5% sự biến thiên của biến phụ thuộc. Giá trị Durbin-Watson = 1.630 so sánh với lý thuyết đề ra ta có thể bác bỏ giả thuyết H_0 và kết luận mô hình không có sự tương quan.

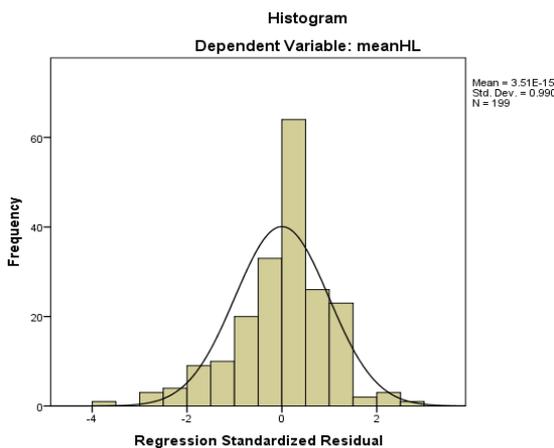
Bảng 4. Kết quả kiểm định sự phù hợp của mô hình

ANOVA ^a						
Model	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.	
1	Regression	8,169	4	2,042	30,667	0,000 ^b
	Residual	12,920	194	0,067		
	Total	21,089	198			

a, Dependent Variable: meanHL

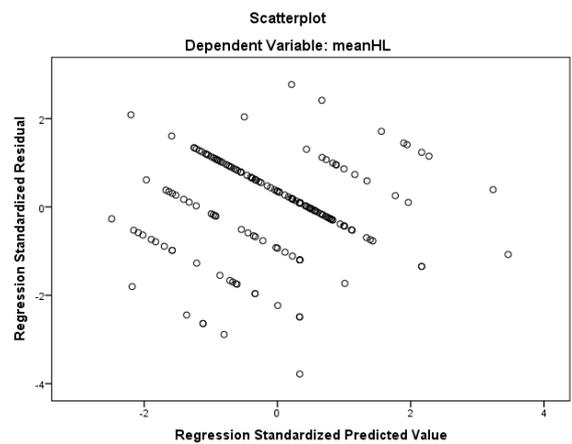
b, Predictors: (Constant), meanCT, meanDG, meanGV, meanMT

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy kiểm định F có kết quả = 30,667 với $p < 0,001$, có thể bác bỏ giả thuyết H_0 và kết luận mô hình phù hợp với tổng thể.



Biểu đồ 1. Biểu đồ thể hiện phân phối phần dư của mô hình hồi quy

Từ biểu đồ 1 nhận thấy phần dư chuẩn hóa phân bố theo hình dạng của phân phối chuẩn. Có một đường cong hình chuông trên hình là đường phân phối chuẩn, biểu đồ tần số histogram tương ứng với đường cong hình chuông đó. Thêm nữa, giá trị trung bình mean là $3.15E-17$ xấp xỉ $= 0$, và độ lệch chuẩn bằng 0.99 xấp xỉ $= 1$ càng khẳng định thêm phần dư chuẩn hóa tuân theo phân phối chuẩn. Như vậy có thể thấy giả định về phân phối chuẩn của phần dư đã được đảm bảo.



Biểu đồ 2. Biểu đồ phần dư chuẩn hóa từ mô hình hồi quy

Biểu đồ 2 cho thấy phần dư chuẩn hóa không thay đổi theo một trật tự nào đối với giá trị dự đoán chuẩn hóa. Do đó giả định về liên hệ tuyến tính không bị vi phạm. Điều này có nghĩa là giá trị dự đoán chuẩn hóa chính là giá trị chuẩn hóa của biến phụ thuộc, còn phần dư chuẩn hóa là giá trị chuẩn hóa của phần dư. Có thể kết luận biến phụ thuộc không có liên hệ gì với phần dư của mô hình và mô hình không vi phạm giả định về tính độc lập của sai số.

Từ các phân tích ở trên có thể xây dựng phương trình hồi quy dự đoán sự biến thiên sự hài lòng chung với khóa học như sau:

$$Y = 1.077 + 0.341 * X_1 + 0.137 * X_2 + 0.134 * X_3 + 0.112 * X_4$$

Từ phương trình 1 có thể đi đến kết luận: sự hài lòng chung đối với khóa học phụ thuộc vào sự hài lòng đối với các yếu tố về giảng viên, chương trình đào tạo, cách thức đánh giá và môi trường học tập. Càng hài lòng với các yếu tố trên thì sự hài lòng chung với khóa học càng tăng.

4. BÀN LUẬN

Nghiên cứu này mở rộng nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người học điều dưỡng trong thực hành lâm sàng, nơi họ học các kỹ năng thực hành quan trọng, vai trò nghề nghiệp, hành vi, thái độ và giá trị của họ. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng đối với thực hành lâm sàng của họ liên quan đến đội ngũ giảng viên (Kiến thức, kinh nghiệm và sự truyền tải kiến thức của giảng viên, tác phong làm việc và sự tận tình trong quá trình giảng dạy), tiếp theo là chương trình đào tạo (kế hoạch đào tạo, chương trình lý thuyết và thực hành của khóa học, mục tiêu của khóa học, lịch trực và học lâm sàng của học viên), môi trường học tập (Số lượng bệnh nhân và mô hình bệnh tật, cơ sở vật chất của bệnh viện: phòng học, thiết bị thực hành, nơi để đồ về cả số lượng và chất lượng, dịch vụ kèm theo như dịch vụ ăn uống) và cuối cùng là cách thức đánh giá (các phương pháp, cách thức đánh giá quá trình học tập). Các yếu tố này đã được kiểm định thông qua mô hình hồi quy tuyến tính đa biến.

Các giảng viên lâm sàng đóng góp có giá trị vào quá trình học tập của sinh viên bằng cách nâng cao khả năng học tập của sinh viên bằng cách tạo ra một môi trường học tập tích cực và như là hình mẫu để người học học tập nâng cao trình độ của họ. Một nghiên cứu tại Palestine phát hiện ra rằng có sự đồng ý đáng kể giữa các sinh viên điều dưỡng về vai trò quan trọng của người hướng dẫn trong việc giảm khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành. Trong đó, sự theo dõi liên tục của giảng viên tại các

khoa giúp giảm khoảng cách đã chiếm được điểm trung bình cao nhất, trong khi giảng viên thực hành sử dụng giảng dạy lý thuyết hơn là đào tạo lâm sàng có điểm trung bình thấp nhất [18]. Một điều tra tại Séc cho thấy các sinh viên nhấn mạnh rằng vai trò của giảng viên thực hành lâm sàng trong việc tạo ra bầu không khí tích cực và tạo cơ hội để bày tỏ ý kiến là điều cực kỳ quan trọng [19].

Alanna Webster và cộng sự trong một nghiên cứu khám phá quan điểm của người học điều dưỡng về ảnh hưởng của các giảng viên điều dưỡng đối với việc học và kinh nghiệm của họ trong môi trường lâm sàng cho thấy. Giảng viên điều dưỡng có tác động tích cực (tạo điều kiện) và tiêu cực (cản trở) đối với việc học tập lâm sàng của sinh viên. Nhân viên điều dưỡng có thể khuyến khích và kích thích sinh viên khi họ cư xử như một người cố vấn, người hỗ trợ và đồng viên tích cực. Tuy nhiên, hành động của họ cũng có thể gây ảnh hưởng xấu đến người học, làm giảm sút sự tự tin, ham học hỏi và mong muốn tiếp tục theo nghề. Từ các phát hiện này nhóm tác giả đã đi đến kết luận điều dưỡng viên ảnh hưởng đến việc học tập của sinh viên. Hành động, thái độ và sự sẵn sàng giảng dạy của họ là những yếu tố có ảnh hưởng. Các phát hiện có ý nghĩa đối với sự an toàn của bệnh nhân, duy trì và tuyển dụng điều dưỡng cũng như chuẩn bị cho sinh viên thực hành nghề nghiệp [20].

Bên cạnh yếu tố giảng viên, nghiên cứu này cũng xác nhận rằng chương trình đào tạo là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến sự hài lòng của người học.

Đã có nhiều nghiên cứu chứng minh vai trò của việc cải tiến chương trình đào tạo đến chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Nghiên cứu hiệu quả của chương trình đào tạo lâm sàng tiêu chuẩn về năng lực của điều dưỡng mới ra trường tại Việt Nam cho thấy. Mức tăng trung bình của tổng điểm năng lực ở nhóm can thiệp (nhóm áp dụng chương trình mới) lớn hơn 0,73 điểm so với nhóm chứng (nhóm áp dụng chương trình chưa cải tiến) [21]. Một kết quả tương đồng cũng đã được xác nhận trong một nghiên cứu gần đây ở Trung Quốc [22]. Phát triển chương trình đào tạo là một quá trình liên tục nhằm hoàn thiện không ngừng chương trình đào tạo cho phù hợp với trình độ phát triển của kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, của đời sống xã hội ... Chương trình đào tạo không phải được thiết kế một lần và dùng mãi mãi mà luôn được phát triển, bổ sung, hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Như vậy, có thể thấy phát triển chương trình đào tạo là yếu tố quan trọng hàng đầu, xuyên suốt góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, là yêu cầu bắt buộc đối với các đơn vị đào tạo.

Môi trường học tập lâm sàng chứa bốn đặc điểm thuộc tính ảnh hưởng đến trải nghiệm học tập của sinh viên. Chúng bao gồm: (1) không gian vật lý; (2) các yếu tố tâm lý xã hội và tương tác; (3) văn hóa tổ chức và (4) các thành phần dạy và học. Những thuộc tính này thường quyết định việc đạt được kết quả học tập và sự tự tin của người học. Từ đây các tác giả nhận định rằng với sự hiểu biết tốt hơn về các thuộc tính bao gồm môi trường học tập lâm sàng, các chương trình giáo dục điều dưỡng và các cơ quan chăm sóc sức khỏe có thể hợp tác để tạo ra những trải nghiệm lâm sàng có ý nghĩa và nâng cao sự chuẩn bị của sinh viên cho vai trò điều dưỡng chuyên nghiệp [12]. Phù hợp với các nhận định trên, trong nghiên cứu tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, kết quả từ mô hình hồi

quy tuyến tính cho thấy “Môi trường học tập” là một trong 3 yếu tố quyết định đến sự hài lòng của người học với chương trình đào tạo của Bệnh viện. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của David Fernández-García và cộng sự [12] cũng như nghiên cứu của Evridiki cùng đồng nghiệp trên các sinh viên điều dưỡng đại học từ ba trường đại học ở Síp [23].

Một giả thuyết cuối cùng của nghiên cứu này về mối liên quan đến sự hài lòng cũng đã được kiểm định. Theo đó quá trình đánh giá, phản hồi việc học tập có tác động lớn đến sự hài lòng của người học về khóa học. Phản hồi mang tính xây dựng và thảo luận tích cực từ nhà giáo dục lâm sàng đóng vai trò quan trọng trong cải thiện kiến thức và lý luận lâm sàng của học viên điều dưỡng. Phản hồi và đánh giá việc học tập của sinh viên bởi người giám sát lâm sàng là rất quan trọng, để họ có thể áp dụng kiến thức, kỹ năng và tư duy phản biện của mình [21]. Đánh giá cung cấp một phương tiện đảm bảo trách nhiệm giải trình đối với chất lượng giáo dục và các dịch vụ được cung cấp. Điều dưỡng, giống như các chuyên gia chăm sóc sức khỏe khác, có trách nhiệm với bệnh nhân và xã hội nói chung trong việc đáp ứng nhu cầu sức khỏe của bệnh nhân. Đồng thời, các nhà giáo dục điều dưỡng phải chịu trách nhiệm về chất lượng giảng dạy cung cấp cho người học, kết quả đạt được và hiệu quả tổng thể của các chương trình giáo dục [6]. Các cơ sở giáo dục cũng phải chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý của mình và xã hội về việc giáo dục sinh viên tốt nghiệp cho các vai trò hiện tại và tương lai. Thông qua đánh giá, các nhà giáo dục điều dưỡng và các chuyên gia chăm sóc sức khỏe khác thu thập thông tin để đánh giá chất lượng giảng dạy và chương trình của họ cũng như ghi lại kết quả để những người khác đánh giá. Tất cả các nhà giáo dục, bất kể bối cảnh, cần phải hiểu biết về đánh giá [22].

Mặc dù đã tìm ra một số yếu tố dự đoán đến sự hài lòng của người học đối với hoạt động đào tạo tại bệnh viện Phụ sản Hà Nội. Tuy nhiên, các yếu tố dự đoán trong mô hình hồi quy mới chỉ giải thích được 57.5% sự biến thiên của sự hài lòng. Do vậy vẫn cần phải tiếp tục nghiên cứu các yếu tố khác có tác động đến sự hài lòng của người học.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã xác nhận những yếu tố được sử dụng để dự đoán sự hài lòng của người học đối với hoạt động đào tạo của Bệnh viện Phụ sản Hà Nội bao gồm: Giảng viên; Chương trình đào tạo; Môi trường làm việc; Đánh giá quá trình học. Những kết quả này có thể được xem xét dựa trên các chương trình can thiệp và thực hành liên quan đến việc cải thiện thực hành lâm sàng. Các biện pháp này sẽ có tác động tích cực đến sự hài lòng của sinh viên và cung cấp cho sinh viên một tinh huống học tập thích hợp. Chúng có thể được kết hợp vào các chương trình đại học để nâng cao trình độ học vấn của các chuyên gia tương lai thông qua sự hợp tác dựa trên mô hình giảng dạy lâm sàng giữa trường đại học và bệnh viện để tăng cường học tập dựa trên bằng chứng, từ đó đạt được những thay đổi đáng kể về chất lượng giáo dục sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Rauyruen P. and Miller K.E. (2007). Relationship quality as a predictor of B2B customer loyalty. *Journal of Business Research*, 60(1), 21–31. <https://doi.org/10.1016/j.jbusres.2005.11.006>
2. Löfmark A., Thorkildsen K., Råholm M.-B., et al. (2012). Nursing students' satisfaction with supervision from preceptors and teachers during clinical practice. *Nurse Educ Pract*, 12(3), 164–169. doi: 10.1016/j.nepr.2011.12.005.
3. Papatnasiou I.V., Tsaras K., and Sarafis P. (2014). Views and perceptions of

nursing students on their clinical learning environment: teaching and learning. *Nurse Educ Today*, 34(1), 57–60. doi: 10.1016/j.nedt.2013.02.007

4. Payne C. (2016). Transitions into practice: First patient care experiences of baccalaureate nursing students. *Nurse Education in Practice*, 16(1), 251–257. doi: 10.1016/j.nepr.2015.09.011

5. Movahedi A.F., Yousefpour M., and Sadeghi S. (2013). Comparison of teaching behaviors of clinical nursing instructors from the perspective of nursing students of the public and private Universities of Semnan in 2012. *Journal of Medical Education and Development*, 8(3), 81–95.

6. Amini A., Bayat R., and Amini K (2020). Barriers to Clinical Education from the Perspective of Nursing Students in Iran: An Integrative Review. *Archives of Pharmacy Practice*, Volume.11, Issue 1.

7. Amoo S.A., Aderoju Y.B.G., Sarfo-Walters R., et al. (2022). Nursing Students' Perception of Clinical Teaching and Learning in Ghana: A Descriptive Qualitative Study. *Nurs Res Pract*, 2022. doi: 10.1155/2022/7222196

8. Mahmoodreza Tavakoli, , Tahereh Khazaei, , Maryam Tolyat, et al. (2014). The Quality of clinical education from the viewpoints of students and instructors of paramedical and nursing-obstetrics schools of Birjand University of Medical Sciences. *Daneshvar Medicine*, 22(1), 41–48.

9. El Ansari W. and Oskrochi R. (2004). What “really” affects health professions students' satisfaction with their educational experience? Implications for practice and research. *Nurse Educ Today*, 24(8), 644–655. doi: 10.1016/j.nedt.2004.09.002.

10. Milton-Willey K., Kenny P., Parmenter G., et al. (2014). Educational preparation for clinical nursing: the

satisfaction of students and new graduates from two Australian universities. *Nurse Educ Today*, 34(4), 648–654. doi: 10.1016/j.nedt.2013.07.004.

11. Salamonson Y., Everett B., Halcomb E., et al. (2015). Unravelling the complexities of nursing students' feedback on the clinical learning environment: a mixed methods approach. *Nurse Educ Today*, 35(1), 206–211. doi: 10.1016/j.nedt.2014.08.005

12. Fernández-García D., Giménez-Espert M.D.C., Castellano-Rioja E., et al. (2020). What Academic Factors Influence Satisfaction With Clinical Practice in Nursing Students? Regressions vs. fsQCA. *Frontiers in Psychology*, 11. doi: 10.3389/fpsyg.2020.585826.

13. Ruiz-Grao M.C., Cebada-Sánchez S., Ortega-Martínez C., et al. (2022). Nursing Student Satisfaction with the Teaching Methodology Followed during the COVID-19 Pandemic. *Healthcare (Basel)*, 10(4), 597. doi: 10.3390/healthcare10040597.

14. Fernández-García D., Moreno-Latorre E., Giménez-Espert M. del C., et al. (2021). Satisfaction with the clinical practice among nursing students using regression models and qualitative comparative analysis. *Nurse Education Today*, 100, 104861. doi: 10.1016/j.nedt.2021.104861.

15. Vũ Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Phương Lan, Nguyễn Văn Thắng, et al. Khảo sát sự hài lòng của người học về dịch vụ đào tạo tại trường Đại học Y – Dược Thái Nguyên. *Tạp chí Y học dự phòng*, 31(2), 67–72.

16. Mai T.Y., Nguyễn T.M.C., Vũ T.T.M., et al. (2018). Khảo sát sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng sau học thực hành mô phỏng tại Trung tâm Tiền lâm sàng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*, 1(1), 94–101.

17. Marsh H.W. (1982). SEEQ: A reliable, valid, and useful instrument for collecting students' evaluations of university teaching. *British Journal of Educational Psychology*, 52(1), 77–95. <https://doi.org/10.1111/j.2044-8279.1982.tb02505.x>

18. Akram A.S., Mohamad A., and Akram S. The Role of Clinical Instructor in Bridging the Gap between Theory and Practice in Nursing Education. *International Journal of Caring Sciences*, Volume 11, Issue 2, Page 876-882.

19. Depoo L., Urbancova H., Smolova H., et al. (2016). Students' evaluation of education quality in human resource management area: case of private czech university. *Journal on Efficiency and Responsibility in Education and Science*, Volume 9, no 2, page 45-51.

20. Webster A., Bowron C., Matthew-Maich N., et al. (2016). The effect of nursing staff on student learning in the clinical setting. *Nurs Stand*, 30(40), 40–47. DOI: 10.7748/ns.30.40.40.s44

21. Horii S., Nguyen C.T.M., Pham H.T.T., et al. (2021). Effectiveness of a standard clinical training program in new graduate nurses' competencies in Vietnam: A quasi-experimental longitudinal study with a difference-in-differences design. *PLoS One*, 16(7), e0254238. doi: 10.1371/journal.pone.0254238.

22. Xu F., Ma L., Wang Y., et al. (2021). Effects of an Innovative Training Program for New Graduate Registered Nurses: A Comparison Study. *SAGE Open*, 11(1), 2158244020988542. <https://doi.org/10.1177/2158244020988542>

23. Papastavrou E., Dimitriadou M., Tsangari H., et al. (2016). Nursing students' satisfaction of the clinical learning environment: a research study. *BMC Nurs*, 15, 44(2016). <https://doi.org/10.1186/s12912-016-0164-4>